

Số: *119* /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày *16* tháng 02 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá khởi điểm của các điểm mỏ để đấu giá  
quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2017.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ  
Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy  
định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ  
quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của  
Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của  
Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu  
giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 34/TTr-  
STNMT ngày 13/02/2017 về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm và chi phí  
thăm dò dự kiến của một số điểm mỏ đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên  
địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên  
địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2017, như sau:

- Giá khởi điểm được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác  
khoáng sản (R) theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày  
19/11/2016 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 54/2014/BTNMT-BTC ngày  
09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính (*cụ thể có phụ lục  
kèm theo*). Mức giá khởi điểm trên chưa bao gồm chi phí khảo sát thăm dò, đánh  
giá trữ lượng; chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ sau khi trúng đấu giá; các loại thuế,  
phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan.

- Về dự toán Đề án thăm dò khoáng sản: Giao Sở Tài nguyên và Môi  
trường chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan căn cứ suất đầu tư thực tế khi

thăm dò loại khoáng sản dự kiến đấu giá ở khu vực chưa có kết quả thăm dò để tính toán, quyết định và công bố, làm cơ sở đánh giá về tiêu chí vốn chủ sở hữu của tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

**Điều 2.** Giao Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum (thành lập theo Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh), phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường xác định tiền đặt trước, bước giá cho phiên đấu giá và tổ chức đấu giá theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HTKT3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

Phụ lục:



**GIÁ KHỞI ĐIỂM CÁC ĐIỂM MỎ CHỨA THẨM DÒ PHÊ DUYỆT TRỪ LƯỢNG**  
(Kèm theo Quyết định số 119 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Kon Tum)

| TT | Tên điểm mỏ  | Địa điểm                                                                                                                                                     | Diện tích (ha) | Tài nguyên dự báo Q (m <sup>3</sup> ) | Giá khởi điểm R <sub>kd</sub> (%) | Ghi chú |
|----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------|-----------------------------------|---------|
| 1  | Điểm mỏ số 1 | Ranh giới thôn Broong Mỹ, xã Đắk Môn, huyện Đắk Glei và thôn Đắk Giá, xã Đắk Ang, huyện Ngọc Hồi (tên quy hoạch là thôn Đắk Tum, xã Đắk Môn, huyện Đắk Glei) | 0,7            | 7.000                                 | 5                                 |         |
| 2  | Điểm mỏ số 2 | Thôn Pa Cheng, xã Đắk Long, huyện Đắk Hà (tên quy hoạch là thôn 4, xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà)                                                               | 0,96           | 9.600                                 | 5                                 |         |
| 3  | Điểm mỏ số 3 | Thôn 3 xã Tân Lập và thôn 8 xã Đắk Tơ Lung, huyện Kon Rẫy (tên quy hoạch là thôn 3 xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy)                                                | 1,98           | 19.800                                | 5                                 |         |
| 4  | Điểm mỏ số 4 | Thôn 5, thị trấn Đắk Rve, huyện Kon Rẫy (tên quy hoạch là thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy)                                                                 | 0,99           | 9.900                                 | 5                                 |         |
| 5  | Điểm mỏ số 5 | Thôn 4, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy (tên quy hoạch là thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy)                                                                       | 0,96           | 9.600                                 | 5                                 |         |
| 6  | Điểm mỏ số 6 | Ranh giới xã Ia Ly, xã Ia Xiêr và thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy (tên quy hoạch là Lãng Lung, xã Ia Xiêr, huyện Sa Thầy)                                    | 0,95           | 9.500                                 | 5                                 |         |
| 7  | Điểm mỏ số 7 | Thôn Tê Pheo, xã Đắk Trăm, huyện Đắk Tô (tên quy hoạch là Sông Tê Pen 2, xã Đắk Trăm, huyện Đắk Tô)                                                          | 0,54           | 5.400                                 | 5                                 |         |
| 8  | Điểm mỏ số 8 | Thôn Đắk Tông, xã Ngọc Tụ, huyện Đắk Tô                                                                                                                      | 0,62           | 6.200                                 | 5                                 |         |
| 9  | Điểm mỏ số 9 | Thôn Cơ Chát 1, xã Măng Bút, huyện Kon Plông                                                                                                                 | 0,53           | 5.300                                 | 5                                 |         |



|    |               |                                                                                                                                                           |      |        |   |  |
|----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------|---|--|
| 10 | Điểm mỏ số 10 | Thôn Kà Nhảy, xã Đăk Nông và Tiểu khu 154, xã Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi ( <i>tên quy hoạch là thôn Kà Nhảy, xã Đăk Nông và xã Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi</i> ) | 1,5  | 15.000 | 5 |  |
| 11 | Điểm mỏ số 11 | Cầu mới Sê San, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai ( <i>tên quy hoạch là cầu mới, xã Ia Toi, huyện Sa Thầy</i> )                                                  | 1,48 | 14.800 | 5 |  |
| 12 | Điểm mỏ số 12 | Sông Sa Thầy thuộc ranh giới xã Ia Toi và xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai ( <i>tên quy hoạch là xã Mô Rai, huyện Sa Thầy</i> )                                 | 0,92 | 9.200  | 5 |  |
| 13 | Điểm mỏ số 13 | Phía nam ngã ba sông Sa Thầy-suối Dop, xã Ia Dom, xã Ia Đal. huyện Ia H'Drai                                                                              | 0,8  | 8.000  | 5 |  |